TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:228 /2017/DS-ST
Ngày: 16-5-2017
V/v" Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tưởng Công Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Khương
2. Bà Nguyễn Thị Mai Thương
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn Vinh -Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa*:*
Bà Hoàng Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 579/2016/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2016 về việc : "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 391/2017/QĐXX- DS ngày 07 tháng 4 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 483/2017/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu V
Trụ sở chính: Tầng 8, văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà Vincom , 72 L, Phường B, Quận A , TP. Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Q - Chức vụ : Tổng giám đốc
Trụ sở chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh: Tầng – Tầng 7, Tòa nhà 22 Đ, Phường B, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Đại diện: Bà T- chức vụ : Giám đốc chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu V tại thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông D, sinh năm 1981
Địa chỉ: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà Vincom, 72 L, Phường B, Quận A, TP. Hồ Chí Minh.
(Theo Văn bản ủy quyền số: 4523E/2016/EIB-HCM-KDT ngày 02/8/2016).
(Có mặt)

2. Bị đơn: Ông H, sinh năm 1988
Địa chỉ: 214 N, Phường S, quận G, TP. Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/8/2016, bản tự khai và các lần làm việc tại Tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông D trình bày:

Ngày 04/5/2013, Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu V (gọi tắt là Ngân hàng) đã ký giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với ông H theo hình thức miễn đảm bảo tín dụng (tín chấp) hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng . Căn cứ vào giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ Quốc tế ngày 04/5/2013, Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng quốc tế cho chủ thẻ ôngH với số thẻ MS881395, hạn mức tín dụng 10.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ ông H đã rút tiền mặt tại máy rút tiền tự động (ATM), thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ từ thẻ tín dụng do Ngân hàng phát hành cùng với các khoản lãi, phí phát sinh tính đến ngày 02/8/2016 với số tiền cụ thể:

- Rút tiền mặt: 1.850.000 đồng;
- Phí rút tiền mặt: 132.000 đồng;
- Thanh toán mua hàng: 7.850.000 đồng;
- Phí tài chính(lãi vay): 8.057.100 đồng;
- Phí thanh toán trễ hạn: 10.894.922 đồng;
- Phí sử dụng vượt hạn mức: 1.376.683 đồng;
- Tổng cộng: 30.160.705 đồng;
- Số tiền chủ thẻ đã thanh toán: 5.193.610 đồng;
- Tổng dư nợ: 24.967.095 đồng.

Theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng sử dụng thẻ, hàng tháng Ngân hàng gửi bản diễn giải giao dịch trong tháng cho chủ thẻ, trong đó liệt kê chi tiết các giao dịch phát sinh trong tháng, các khoản phí, lãi, số dư nợ và yêu cầu chủ thẻ thanh toán đúng số tiền và thời hạn chỉ định.

Mặc dù ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, gửi văn bản thông báo yêu cầu ôngH thanh toán nợ cho Ngân hàng, nhưng đến nay ông H vẫn không thanh toán.

Tính đến ngày 02/8/2016, ông H còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu các khoản sau:

- Nợ gốc: 6.228.900 đồng;
- Lãi, phí: 18.738.195 đồng.

Tổng cộng số tiền ông H còn thiếu là 24.967.095 đồng.

Ngân hàng yêu cầu ông H thanh toán vốn và lãi là 24.967.095 đồng và tiền lãi tiếp tục được tính cho đến khi ông H thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Tính đến ngày 24/4/2017, ông H còn thiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu V gồm các khoản sau:

- Nợ gốc 6.228.900 đồng;
- Lãi, phí: 35.913.071 đồng.

Tổng cộng : 42.141.971 đồng phương thức thanh toán 1 lần ngay khi Bản án có hiệu lực pháp luật và tiền lãi phát sinh tiếp tục được tính kể từ ngày 25/4/2017 theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, cho đến ngày ông H trả dứt nợ.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ và triệu tập ông H đến Tòa án để lấy lời khai nhưng ông H không đến. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của ông H tại địa chỉ 214 N, Phường S, quận G, thành phố Hồ Chí Minh và ông H vẫn đang cư trú tại địa chỉ này. Vì vậy, tòa án tống đạt và niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng của ông H tại địa chỉ: 214 N, Phường S, quận G, thành phố Hồ Chí Minh để xét xử.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông H hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng ông H không đến Tòa vì vậy Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo pháp luật quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Ông D là đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu buộc bị đơn ôngH pH trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam số tiền 42.141.971 đồng, tính đến ngày 24/4/2017, trong đó:

- Nợ gốc : 6.228.900 đồng ;
- Lãi, phí: 35.913.071 đồng.

Phương thức thanh toán : Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông H còn pH thanh toán khoản tiền lãi kể từ ngày 25/4/2017 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định do hai bên thỏa thuận trong Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Ông H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

-Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam: Buộc ôngH pH trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam số tiền: 42.141.971 đồng và lãi suất phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay.

Đương sự pH chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

Nguyên đơn - Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu V khởi kiện bị đơn ông H về yêu cầu trả số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 04/5/2013 được ký kết giữa hai bên. Bị đơn ông H có nơi cư trú cuối cùng tại : 214 N, Phường S, quận G, thành phố Hồ Chí Minh, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng : Bị đơn ôngH đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về nợ gốc:

Căn cứ vào hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam) ngày 04/5/2013 đã ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam với ôngH cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật. Nội dung các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Ngày 04/5/2013, Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ MS881395 cho ông H với hạn mức 10.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, tính đến ngày 21/9/2015, ôngH đã trả được 5.193.610 đồng và không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng mặc dù ngân

hàng đã nhiều lần liên hệ, gửi văn bản thông báo yêu cầu ông H thanh toán cho Ngân hàng . Vì vậy yêu cầu của Ngân hàng buộc ông H pH trả số tiền nợ gốc là 6.228.900 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nợ lãi và phí :

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 quy định "… Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".

Căn cứ tại Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Căn cứ quy định Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ và biểu phí thẻ tín dụng quốc tế có hiệu lực từ ngày 02/12/2003 và 29/4/2016 của Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam quy định đối với thẻ tín dụng thì lãi suất là 1,7%/tháng ; phí trễ hạn là 3%/ số tiền thanh toán tối thiểu chưa thanh toán, phí sử dụng vượt hạn mức là 15%/ năm/ trên số tiền vượt hạn mức. Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất và phí giữa hai bên đã được ký kết là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó bị đơn pH trả cho nguyên đơn số tiền lãi và phí còn thiếu tính đến ngày 24/4/2017 là 35.913.071 đồng và ông H tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 25/4/2017 cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng gồm (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) mà các bên đã ký kết là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét việc nguyên đơn yêu cầu trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền trên bị đơn nợ nguyên đơn đã lâu đến nay chưa trả là gây thiệt hại rất nhiều cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn pH thanh toán số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ nộp án phí và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không pH chịu án phí. Hoàn trả 624.178 đồng tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn.

Bị đơn pH chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 42.141.971 đồng. Do đó bị đơn pH chịu án phí là 2.107.098 đồng.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

- Áp dụng Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ôngH có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam số tiền 42.141.971 (Bốn mươi hai triệu một trăm bốn mươi mốt ngàn chín trăm bảy mươi mốt) đồng tính đến ngày 24/4/2017, bao gồm nợ gốc là 6.228.900(Sáu triệu hai trăm hai mươi hai ngàn chín trăm) đồng, lãi và phí : 35.913.071 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông H còn pH chịu thêm tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2017 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất thỏa thuận được quy định trong hợp đồng ký ngày 04/5/2013(bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam).

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- ÔngH pH chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.107.098 đồng (Hai triệu một trăm lẻ bảy ngàn không trăm chín mươi tám) đồng.

- Hoàn lại 624.178 đồng (Sáu trăm hai mươi bốn ngàn một trăm bảy mươi tám) đồng tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam theo biên lai thu số AA/2016/0017213 ngày 02/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận :
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THA quận Gò Vấp;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tưởng Công Sơn